

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THỰC TIỄN BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ BÁO CHÍ TIẾNG VIỆT

QUÁCH THỊ GẤM *

Tóm tắt: Trong quá trình tổ chức thực hiện biên soạn *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt*, nhóm biên soạn đã có nhiều cố gắng trong việc tuân thủ đúng quy trình biên soạn của một công trình từ điển, từ công tác chuẩn bị cho đến việc thực hiện thu thập tư liệu, xây dựng bảng từ, tiến hành biên soạn, biên tập và hoàn thiện bản thảo. Quy trình chung là vậy, nhưng thực tiễn biên soạn cho thấy có những vấn đề cần được đặc biệt lưu ý, nhất là những vấn đề liên quan đến tính đặc thù của loại hình từ điển giải thích thuật ngữ. Bài viết này đề cập đến một số vấn đề cần quan tâm qua thực tiễn biên soạn công trình nhằm rút ra những kinh nghiệm cho nhóm biên soạn cũng như những ai quan tâm đến loại hình từ điển này.

Từ khóa: Từ điển giải thích thuật ngữ, từ điển thuật ngữ báo chí, biên soạn, định nghĩa, giải thích.

Abstract: During the process of organizing to compile the *Vietnamese Dictionary of Journalism Terms*, the compilers have tried to follow the correct compilation process of a dictionary, starting from preparing to collecting documents, building a list of entries, compiling entries, editing and finalizing the manuscript. This is a general process, but the practice of compilation shows that there are some problems that need special attention, especially those related to the specificity of the type of explanatory term dictionary. The article mentions some problems that need attention through the practice of compiling the dictionary in order to draw experiences for the compilers as well as those who are interested in this type of dictionary.

Keywords: Explanatory term dictionary, dictionary of journalism terms, compilation, definitions, explanations.

1. Mở đầu

Công trình *Biên soạn Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt* là đề tài khoa học cấp Bộ do Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam chủ trì thực hiện trong hai năm 2021 - 2022. Mục tiêu của đề tài hướng đến biên soạn một cuốn từ điển tường giải các thuật ngữ báo chí tiếng Việt, qua đó giúp người dùng có thể hiểu chính xác các khái niệm chuyên ngành, đáp ứng phần nào nhu cầu tra cứu, tìm hiểu về báo chí của những người hoạt động, công tác trong lĩnh vực báo chí và mọi độc giả quan tâm về lĩnh vực này. Đây là một nhu cầu cấp thiết bởi vì hiện nay, chúng ta hầu như chưa có một cuốn từ điển giải thích thuật ngữ báo chí nào, hầu hết các cuốn từ điển báo chí hiện có thuộc loại hình từ điển đối chiếu.

Công việc biên soạn cuốn từ điển này còn thực hiện một chức năng khác, đó là góp phần chuẩn hóa, thống nhất thuật ngữ báo chí nói riêng và thuật ngữ khoa học

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: quachthigam@yahoo.com

tiếng Việt nói chung. Qua đó, định hướng người dùng đến thuật ngữ chuẩn, nghĩa là thuật ngữ đảm bảo tính chính xác về mặt nội dung, phù hợp với hệ thống và ngắn gọn về hình thức.

2. Một số vấn đề cơ bản trong quá trình biên soạn *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt*

Qua gần 2 năm thực hiện, công trình đến nay hầu như đã được hoàn tất. Để hoàn thành công trình với bản thảo là 1.500 mục từ, nhóm thực hiện đề tài đã phải qua một quy trình thực hiện nghiêm túc, khoa học. Qua quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi rút ra được một số vấn đề cơ bản, mang tính trọng tâm cần được lưu ý khi biên soạn công trình như sau:

2.1. Xác định loại hình từ điển và đặc trưng của chúng một cách rõ ràng

Việc xác định rõ loại hình từ điển là công việc đầu tiên nhưng vô cùng quan trọng đối với bất kỳ người biên soạn nào. Mỗi loại hình từ điển sẽ tương ứng với mô hình cấu trúc riêng, bao gồm cả cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô. Nói cách khác, cơ sở xác định cấu trúc từ điển trước hết phải dựa trên loại hình từ điển, bởi vì mỗi loại hình từ điển có một cấu trúc khác nhau.

Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt được xác định là loại hình từ điển giải thích thuật ngữ. Do đó về mặt cấu trúc vĩ mô, trong từ điển thường chỉ có duy nhất một loại mục từ là thuật ngữ hoặc mục từ thuật ngữ phải chiếm phần lớn dung lượng của cuốn từ điển. Trong *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt*, ngoài thuật ngữ nhóm biên soạn còn thu thập thêm một số đơn vị từ vựng chuyên môn khác, cụ thể là danh pháp - tên gọi các cơ quan, tổ chức quan trọng của ngành. Nhưng số lượng các đơn vị từ vựng này chiếm tỉ lệ không đáng kể, chỉ khoảng 4%. Mặc dù chúng không biểu thị

các khái niệm, đối tượng khoa học như thuật ngữ, song chúng cũng được sử dụng phổ biến trong ngành báo chí và tồn tại song hành cùng với thuật ngữ.

Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt thuộc loại từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành (về báo chí), do đó:

Thứ nhất, việc định nghĩa và giải thích khái niệm cần phải gắn với ngành (báo chí), không chỉ dừng lại ở việc giải thích khái niệm mang tính phổ thông. Điều này đòi hỏi việc biên soạn phải tập trung vào định nghĩa và giải thích khái niệm chuyên ngành báo chí một cách chính xác. Nghĩa là việc định nghĩa và giải thích thuật ngữ phải gắn với ngành báo chí và phục vụ cho ngành báo chí. Đặc biệt lưu ý về điều này khi biên soạn các thuật ngữ mang tính liên ngành.

Thứ hai, đối với từ điển giải thích nói chung và từ điển giải thích thuật ngữ nói riêng, chức năng cơ bản là giải thích nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành một cách rõ ràng, chính xác. Do đó trong cấu trúc vi mô của từ điển này, thông tin quan trọng nhất là *chỉ ra đặc trưng bản chất của khái niệm* thông qua định nghĩa và kèm giải thích một cách ngắn gọn (nếu có), mà không cần thiết đi sâu vào việc cung cấp quá nhiều thông tin mang tính bách khoa.

Có thể nói, đây là những đặc điểm cơ bản trong cấu trúc (vĩ mô và vi mô) của từ điển giải thích thuật ngữ nói chung và từ điển thuật ngữ báo chí nói riêng.

2.2. Xác định số lượng mục từ một cách cụ thể

Việc xác định số lượng mục từ trong *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt* chủ yếu được căn cứ vào thực tiễn sử dụng thuật ngữ báo chí, nguồn kinh phí được duyệt, thời gian thực hiện và số lượng thành viên tham gia nhằm đảm bảo đúng tiến độ và

chất lượng công trình. Theo đó, số lượng mục từ của từ điển gồm 1.500 mục. Để đảm bảo tính toàn diện, cân đối, các thuật ngữ được lựa chọn để đưa vào cuốn từ điển này sẽ bao gồm cả thuật ngữ biểu thị những khái niệm cơ bản (khái niệm chung, phổ biến) và thuật ngữ biểu thị các khái niệm chuyên sâu thuộc lĩnh vực báo chí.

2.3. Xác lập tiêu chí lựa chọn và cơ sở xây dựng bảng mục từ

2.3.1. Xác lập tiêu chí lựa chọn mục từ một cách chi tiết

Từ điển thuật ngữ chính là một tập hợp các thuật ngữ mang tính hệ thống theo từng chuyên ngành hoặc vài chuyên ngành tùy theo mục đích của nhà biên soạn. Đơn vị quan trọng nhất trong từ điển này chính là thuật ngữ. Đằng sau các thuật ngữ là một hệ thống khái niệm thuộc về một lĩnh vực khoa học cụ thể. Hệ thống khái niệm mà thuật ngữ biểu thị mang tính chính xác và liên hệ với nhau theo một tôn ti chặt chẽ, logic, tức là mang tính hệ thống cao.

Trước khi xây dựng bảng mục từ, cần phải xác lập các tiêu chí lựa chọn mục từ (thuật ngữ) đưa vào biên soạn nhằm trả lời cho 2 câu hỏi: chọn mục từ gì và chọn mục từ như thế nào. Cơ sở để đưa ra tiêu chí lựa chọn mục từ được dựa trên dung lượng mục từ và đặc trưng về loại hình từ điển. Các tiêu chí càng cụ thể, chi tiết thì việc lựa chọn mục từ càng có đường hướng rõ ràng. Trong *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt*, việc lựa chọn mục từ được dựa trên các tiêu chí cụ thể sau:

- Chọn thuật ngữ ở tất cả 5 loại hình báo chí: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử và báo ảnh. Tiêu chí này đảm bảo tính hệ thống và toàn diện của thuật ngữ báo chí.

- Chọn cả thuật ngữ cơ bản, thông dụng

và thuật ngữ chuyên sâu. Thuật ngữ cơ bản, thông dụng là thuật ngữ biểu thị những khái niệm chung của ngành báo chí và được sử dụng phổ biến (ví dụ: *báo, tạp chí, bản tin, phát thanh, truyền hình, nhà báo, phóng viên, tổng biên tập, thư ký tòa soạn, phòng văn,...*). Thuật ngữ chuyên sâu là những thuật ngữ chỉ những người trong ngành biết đến và để hiểu được thuật ngữ này cần phải có tri thức chuyên môn về ngành báo chí (ví dụ: *măng xet, sapô, layout (thiết kế dàn trang), market báo, vinhet, bàn trộn âm,...*). Việc lựa chọn mục từ như vậy sẽ phản ánh một cách khách quan và bao quát tương đối đầy đủ các thuật ngữ báo chí hiện nay.

- Chọn cả thuật ngữ liên ngành - thuật ngữ của các ngành khác nhưng được tiếp nhận và sử dụng trong lĩnh vực báo chí. Trong quá trình hoạt động, ngành báo chí đã ứng dụng và tiếp thu rất nhiều thành tựu khoa học từ các ngành khác, không chỉ khoa học xã hội mà cả khoa học tự nhiên. Vì vậy, trong hệ thống thuật ngữ báo chí ngoài những thuật ngữ mang đặc tính riêng còn xuất hiện một loạt thuật ngữ của các ngành liên quan. Thuật ngữ của các ngành khác khi được tiếp nhận vào hệ thống thuật ngữ báo chí, nhìn chung vẫn giữ nguyên nội dung khái niệm và hình thức ngôn ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng, tính chất, phương thức,... nhưng được sử dụng cho mục đích báo chí. Có thể nói, đây là các thuật ngữ có vai trò quan trọng trong việc làm phong phú thêm hệ thống thuật ngữ báo chí tiếng Việt. Ví dụ, thuật ngữ điện ảnh: *dựng hình, đạo diễn, trường quay, bàn dựng, ghép cảnh, xử lý hậu kỳ,...* được sử dụng trong truyền hình; thuật ngữ ngành in - xuất bản: *biên tập, chế bản, bản thảo, bản bông,...* được sử dụng trong báo in; thuật ngữ âm nhạc: *nhạc nền, nhạc xen, âm thanh nổi, âm thanh vang, ráp nhạc,...* được sử dụng

trong phát thanh,...

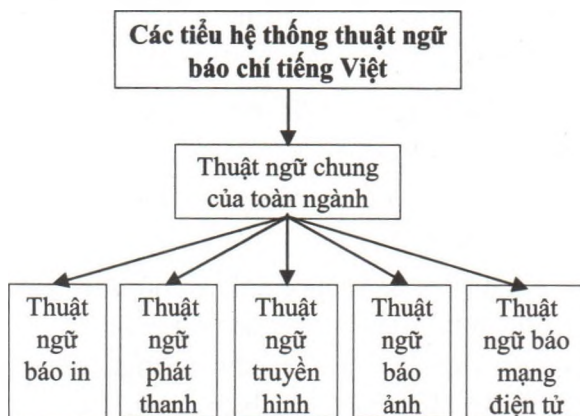
Về mặt hình thức thuật ngữ: chọn cả hình thức chuẩn và không chuẩn (thuật ngữ đồng nghĩa - nhiều tên gọi cho cùng một khái niệm, hiện tượng, sự vật). Nghĩa là bên cạnh việc chọn hình thức chuẩn nhất của thuật ngữ (xếp đầu tiên), công trình vẫn đưa vào các biến thể của thuật ngữ (xếp sau mục từ và để trong ngoặc đơn: (cg.) với mục đích để người sử dụng tham khảo. Chẳng hạn: *báo mạng điện tử* (cg. *báo điện tử*, *báo mạng*, *báo trực tuyến*, *báo online*); *báo in* (cg. *báo*, *báo viết*, *báo giấy*); *truyền hình kỹ thuật số vệ tinh* (cg. *truyền hình vệ tinh*, *truyền hình DTH*),... Việc lựa chọn hình thức chuẩn của thuật ngữ được căn cứ trên các cơ sở khoa học như: dựa vào các tiêu chuẩn cần có của thuật ngữ (tính khoa học (gồm tính chính xác, tính hệ thống, tính ngắn gọn) và tính quốc tế), dựa vào đặc trưng của tiếng Việt, dựa vào nội dung khoa học của báo chí, xu thế phát triển của báo chí và thói quen sử dụng của những người làm báo.

Một trong những chức năng quan trọng của từ điển là chuẩn hóa ngôn ngữ. Do vậy, trong quá trình biên soạn, nhóm biên soạn đã luôn cố gắng chọn hình thức chuẩn của thuật ngữ (biểu thị chính xác về nội dung khái niệm, ngắn gọn về hình thức) để làm tên gọi chính cho đầu mục từ.

2.3.2. Xác lập cơ sở xây dựng bảng mục từ một cách khoa học

Cơ sở để xây dựng bảng từ của *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt* cần phải bám sát vào sự phân ngành của báo chí hiện nay, bao gồm: báo in, phát thanh, truyền hình, báo ảnh, báo mạng điện tử. Tương ứng với 5 loại hình báo chí nói trên là 5 tiểu hệ thống thuật ngữ báo chí: 1. Thuật ngữ báo in; 2. Thuật ngữ phát thanh; 3. Thuật ngữ

truyền hình; 4. Thuật ngữ báo ảnh; 5. Thuật ngữ báo mạng điện tử. Ngoài ra, bao trùm là tiểu hệ thống thuật ngữ báo chí chung cho toàn ngành. Có thể thấy rõ sự phân ngành của thuật ngữ báo chí qua mô hình cây dưới đây:



Sơ đồ 1. Các tiểu hệ thống thuật ngữ báo chí tiếng Việt

Như vậy, việc xây dựng bảng từ sẽ được tiếp cận theo hướng đi từ thuật ngữ chung của toàn ngành báo chí, sau đó đến thuật ngữ của từng loại hình báo chí cụ thể. Cách tiếp cận này sẽ bảo đảm được tính toàn diện, hệ thống, khách quan của bảng mục từ.

Ngoài việc xây dựng bảng từ dựa trên phân ngành, việc xây dựng bảng từ sẽ sâu hơn và chi tiết hơn nếu được kết hợp phân loại theo cả chủ đề (phạm trù) khác nhau. Ví dụ: thuật ngữ chỉ chủ thể của hoạt động báo chí (*phóng viên*, *nhà báo*, *tổng biên tập*, *người dẫn chương trình*, *trưởng ban thời sự*,...); thuật ngữ chỉ hoạt động báo chí (*phóng vấn*, *ghi âm*, *ghi hình*, *phát sóng*, *xử lý hậu kỳ*, *biên tập*,...); thuật ngữ chỉ các sản phẩm báo chí (*bản tin*, *tạp chí*, *xã luận*, *tọa đàm*, *phóng sự*, *chương trình phát thanh*,...); thuật ngữ chỉ các phương tiện - kỹ thuật sử dụng trong hoạt động báo chí (*máy ảnh*, *máy ghi âm*, *máy ghi hình*, *micro*, *anten*, *trường quay truyền hình*, *truyền hình kỹ thuật số vệ tinh*,...);...

2.4. Định nghĩa và giải thích khái niệm một cách chính xác

Định nghĩa kèm giải thích nghĩa thuật ngữ một cách chính xác là công việc quan trọng nhất của công trình này. Như trên đã đề cập, đối với từ điển giải thích thuật ngữ, chức năng cơ bản là giải thích nghĩa của các thuật ngữ một cách rõ ràng, ngắn gọn thông qua định nghĩa và kèm giải thích một cách ngắn gọn (nếu có). Như vậy, việc giải thích thuật ngữ báo chí theo hai cấp độ:

Cấp độ 1: định nghĩa khái niệm (nêu các đặc trưng của khái niệm).

Cấp độ 2: làm rõ hơn các đặc trưng của khái niệm.

Tuy nhiên, thực tế biên soạn cho thấy, có những mục từ thiếu vắng phần giải thích nhưng phần định nghĩa thì bắt buộc phải có. Chính vì vậy, đối với từ điển giải thích nói chung và từ điển giải thích thuật ngữ nói riêng, định nghĩa rất quan trọng, được coi là mối quan tâm hàng đầu.

2.4.1. Khái niệm định nghĩa

Định nghĩa là việc xác định các đặc trưng cơ bản, bản chất của khái niệm, sự vật, hiện tượng, quá trình. Đây là tiêu chuẩn lý tưởng khi định nghĩa thuật ngữ.

Trong thực tế, mỗi khái niệm, sự vật có rất nhiều đặc trưng khác nhau nhưng chúng ta chỉ lựa chọn những đặc trưng bản chất của chúng để định nghĩa nhằm đảm bảo yêu cầu chính xác của thuật ngữ (chứ không thể đưa tất cả các đặc trưng của đối tượng vào lời định nghĩa). Ngoài ra, các đặc trưng này phải bảo đảm điều kiện cần và đủ để phân biệt giữa nó với các khái niệm khác.

2.4.2. Các phương pháp định nghĩa

Trong thực tế biên soạn từ điển có nhiều phương pháp định nghĩa khác nhau như: định nghĩa bằng đồng nghĩa (chuyển chú

xem), định nghĩa bằng trái nghĩa, định nghĩa bằng từ có nghĩa tương đương (gần nghĩa), định nghĩa bằng ví dụ chua nghĩa, định nghĩa bằng chức năng, định nghĩa bằng phân tích, định nghĩa bằng từ bao,...

Tuy nhiên, trong các từ điển giải thích thuật ngữ nói chung, các nhà biên soạn thường sử dụng 4 phương pháp định nghĩa (giải thích) cơ bản: định nghĩa bằng phân tích, định nghĩa bằng từ bao, định nghĩa bằng chức năng và định nghĩa bằng đồng nghĩa (chuyển chú xem). Những cách định nghĩa còn lại thường chỉ phù hợp với từ điển ngôn ngữ. Thực tế, *Từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt* áp dụng 3 kiểu định nghĩa cơ bản: định nghĩa bằng phân tích, định nghĩa bằng từ bao, định nghĩa bằng chức năng (không áp dụng cách định nghĩa bằng chuyển chú xem). Cụ thể:

- *Định nghĩa bằng phương pháp phân tích*: là việc sử dụng thao tác phân tích để chỉ ra các đặc trưng cơ bản của khái niệm. Ví dụ:

Số báo

Thứ tự báo hoặc tạp chí tính theo kỳ phát hành trong một năm. (*định nghĩa*)

Vd. Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư* có kỳ phát hành 2 tháng một số, số tháng 5 năm 2022 sẽ được ghi là “số 3(77), tháng 5/2022”. Số báo hoặc tạp chí được cấu thành từ hai phần nội dung và hình thức, được thể hiện bằng chữ viết và tranh, ảnh minh họa. Một số báo thường bao gồm nhiều bài viết với số trang tăng dần và được ngắt theo bài viết. Xt. *Tập. (giải thích)*

Khổ báo

Quy cách về kích thước của mỗi tờ báo hoặc tạp chí, được xác định bằng tỉ lệ giữa chiều ngang và chiều dọc hoặc giữa chiều rộng và chiều cao của tờ báo, tính bằng đơn vị cm hoặc mm. (*định nghĩa*)

Vd. khổ báo *Người lao động* có kích thước (R × C): 26,5 cm × 35,5 cm; khổ báo *Phụ nữ Việt Nam hiện nay* (R × C): 29 cm × 42 cm; khổ tạp chí *Đẹp* (R × C): 21 cm × 28,5 cm,... Khổ báo thường mang tính ổn định, ít thay đổi. Đối với những ấn phẩm khác của cùng một cơ quan báo chí như nhật báo, tuần báo, phụ san, nguyệt san,... thì khổ báo có thể khác nhau. (*giải thích*)

Nhìn chung, cách định nghĩa này thường áp dụng với các thuật ngữ - khái niệm gốc, đơn nhất.

- *Định nghĩa bằng phương pháp dùng từ bao*: là lối định nghĩa giữa chừng và loại (hay giữa quan hệ rộng và hẹp). Với cách định nghĩa này, khái niệm được định nghĩa trước hết sẽ được quy về một khái niệm cùng loại/phạm trù mang nghĩa rộng hơn, tiếp sau đó chỉ ra các đặc trưng của khái niệm đó. Khái niệm rộng hơn đó được gọi là từ bao. Ví dụ:

Tin ảnh

Thẻ loại tin có kèm theo ảnh để minh họa, nhằm tăng độ tin cậy và thuyết phục cho thông tin. (*định nghĩa*)

Trong tin ảnh, thông tin bằng chữ đứng trước, được chú ý trước và chứa đựng những thông tin chủ đạo của sự kiện. Bức ảnh đăng kèm tin chỉ có tính chất minh họa, bổ sung thêm thông tin. Yêu cầu đối với tin ảnh là hai yếu tố tin và ảnh phải gắn bó, liên quan với nhau. Xt. *Ảnh tin*. (*giải thích*)

Bình luận

Thẻ loại thuộc nhóm tác phẩm báo chí chính luận, trình bày, đánh giá, bàn luận về một sự kiện tiêu biểu của đời sống xã hội bằng chứng cứ, lập luận, phân tích mềm dẻo và linh hoạt nhằm định hướng công chúng theo quan điểm nhất định mà người viết bình luận hướng tới. (*định nghĩa*)

Trong quá trình bình luận, tác giả không chỉ sử dụng những sự kiện, hoạt động trong một lĩnh vực, ở một thời điểm nhất định mà phải sử dụng tất cả các dữ liệu có liên quan thuộc mọi lĩnh vực. Ngoài ra, tác giả bình luận không xem xét, đánh giá sự kiện đơn lẻ mà nhìn nhận và đánh giá nó trong một hệ thống quan điểm chặt chẽ và thống nhất. (*giải thích*)

Trong ví dụ thứ nhất, “thẻ loại tin” là từ/cụm từ bao, còn các yếu tố “có kèm theo ảnh để minh họa, nhằm tăng độ tin cậy và thuyết phục cho thông tin. (...)” là các đặc trưng khu biệt của **tin ảnh** với các tin khác như *tin văn*, *tin ngắn*, *tin tổng hợp*,...

Hoặc trong ví dụ thứ 2, “Thẻ loại thuộc nhóm tác phẩm báo chí chính luận” là từ/cụm từ bao, còn các yếu tố “trình bày, đánh giá, bàn luận về một sự kiện tiêu biểu của đời sống xã hội bằng chứng cứ, lập luận, phân tích mềm dẻo và linh hoạt nhằm định hướng công chúng theo quan điểm nhất định mà người viết bình luận hướng tới. (...)” là các đặc trưng khu biệt của **bình luận** với các thẻ loại thuộc nhóm tác phẩm báo chí chính luận khác như *xã luận*, *chuyên luận*, *tương thuật*,...

Cách định nghĩa này thường áp dụng với các thuật ngữ - khái niệm cùng kiểu loại (ví dụ: *tin ngắn*, *tin văn*, *tin tổng hợp*,...). Vì vậy, mô hình định nghĩa của chúng thường cùng một kiểu cấu trúc cú pháp: bắt đầu được quy về loại/phạm trù (gọi là từ/cụm từ bao), sau đó vạch ra các đặc trưng của khái niệm đó.

- *Định nghĩa bằng phương pháp nêu chức năng*: là lối định nghĩa tập trung làm rõ vai trò, chức năng của khái niệm, đối tượng thay vì nêu ra những đặc trưng về đặc điểm, hình dạng, tính chất của khái niệm, đối tượng. Cách định nghĩa này cũng

thường áp dụng cho những khái niệm, sự vật cụ thể hoặc các chủ thể hoạt động báo chí (các chức danh trong báo chí). Ví dụ:

Đĩa CD

Phương tiện được sử dụng để ghi, lưu trữ và phát lại hình ảnh, âm thanh, video và các dữ liệu khác. (*định nghĩa*)

Đĩa CD có dạng tròn được chế tạo bằng chất dẻo, đường kính khoảng 12 cm, dày 1,2 mm. Một đĩa CD có thể lưu trữ khoảng 80 phút âm thanh hoặc 700 MB dữ liệu máy tính đã được mã hóa. (*giải thích*)

Hộp thông tin (cg. *Box thông tin*)

Phần thông tin được đóng khung hoặc in đậm, có chức năng cung cấp các thông tin hỗ trợ chi tiết hoặc để tạo ra các điểm nhấn cho bài báo. (*định nghĩa*)

Một số hộp thông tin sử dụng trong bài phỏng vấn có chức năng cung cấp tin tức, số liệu; trích dẫn các quy định, văn bản pháp luật, giải thích các thuật ngữ hoặc các vấn đề liên quan; trích dẫn câu nói ấn tượng của người trả lời; nêu tiểu sử hoặc thành tích hoặc tính cách của nhân vật. (*giải thích*)

Trưởng ban thời sự

Người điều hành cao nhất mảng tin tức của một đài truyền hình. (*định nghĩa*)

Trưởng ban thời sự có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch phương án hoạt động cho ban thời sự để đảm bảo các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. (*giải thích*)

Ngoài ra, đối với trường hợp các thuật ngữ cùng lớp, cùng loại, thì trong định nghĩa có thể chỉ cần chọn một hoặc một số đặc trưng đủ để khu biệt (phân biệt) giữa khái niệm này với khái niệm khác. Nghĩa là mặc dù đó là một hoặc một số đặc trưng không cơ bản của khái niệm nhưng vẫn đủ điều kiện để phân biệt trong thế đối lập với

các thuật ngữ khác, thì vẫn có thể chấp nhận được. Ví dụ:

Nhật báo (cg. *Báo ngày*)

Các tờ báo hoặc tạp chí xuất bản định kỳ *mỗi ngày ra một số*. (*định nghĩa*)

Nhật báo có thể phát hành vào buổi sáng, trưa hoặc chiều; thông tin một cách nhanh, chính xác, kịp thời các sự kiện, hiện tượng trong đời sống. Nhật báo ở Việt Nam khá phổ biến. Một số tờ nhật báo tiêu biểu: *Thanh niên, Nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Lao động, Sài Gòn giải phóng,...* (*giải thích*)

Tuần san (cg. *Báo tuần, Tuần báo*)

Các tờ báo hoặc tạp chí xuất bản định kỳ *mỗi tuần ra một số*. (*định nghĩa*)

Việc ấn định ngày nào xuất bản trong tuần phụ thuộc vào quy định của mỗi tòa soạn. Tuần san thường chú trọng đến thông tin phân tích, tổng hợp, bình luận và đưa ra xu hướng dự báo. Một số tờ tuần san quen thuộc: *Hà Nội mới cuối tuần, Phụ nữ chủ nhật, Sinh viên Việt Nam, Nhân dân cuối tuần,...* (*giải thích*)

4. Kết luận

Xét về mặt lý luận, để biên soạn một công trình từ điển thuật ngữ, cụ thể là từ điển thuật ngữ thuộc lĩnh vực báo chí, đạt hiệu quả cần sử dụng cách tiếp cận liên ngành. Nghĩa là vừa dựa vào nền tảng lý luận và phương pháp biên soạn từ điển và từ điển thuật ngữ, vừa dựa trên tri thức khoa học của lĩnh vực báo chí.

Xét về mặt thực tiễn, trong quá trình biên soạn từ điển, rất nhiều vấn đề cần được quan tâm, trong đó việc xác định rõ loại hình từ điển thuật ngữ và đặc trưng của chúng là công việc đầu tiên và rất quan trọng, bởi nó sẽ quyết định đến số lượng

mục từ và các thông tin có trong các mục từ. Ngoài ra, việc xác lập các tiêu chí lựa chọn mục từ và cơ sở xây dựng bảng mục từ một cách chi tiết, khoa học sẽ giúp thu thập được một bảng mục từ mang tính toàn diện và hệ thống. Cuối cùng, việc áp dụng các phương pháp định nghĩa phù hợp với từng loại khái niệm sẽ góp phần tạo nên tính chính xác, khoa học và thống nhất của lời giải nghĩa. Tuy nhiên, công việc này không hề dễ dàng, bởi sự phân lớp với một số lượng lớn các khái niệm thành các phạm trù đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên trì và tốn nhiều thời gian, công sức. Hơn nữa, việc áp dụng các kiểu định nghĩa cũng chỉ mang tính tương đối. Thực tế biên soạn cho thấy, một mục từ - thuật ngữ đôi khi có thể được định nghĩa theo nhiều kiểu định nghĩa khác nhau hoặc ngược lại, các kiểu định nghĩa có thể được kết hợp với nhau, bổ sung cho nhau trong khi định nghĩa một mục từ. Đồng thời việc định nghĩa sẽ đầy đủ hơn và rõ ràng hơn nếu có thêm phần giải thích kèm theo nhằm bổ trợ, làm rõ nghĩa hơn cho phần

định nghĩa, từ đó tạo nên một mục từ hoàn chỉnh, qua đó giúp độc giả có thể hiểu khái niệm một cách đầy đủ, chính xác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Dự, “Một số kiểu định nghĩa và một số vấn đề tồn tại trong các định nghĩa khái niệm của Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6, 2017.
- [2] Nguyễn Khánh Hà, “Về phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4, 2012.
- [3] Hà Quang Năng (Chủ biên), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2012.
- [4] Hoàng Thị Nhung, “Cách định nghĩa trong một số từ điển giải thích tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2, 2013.
- [5] Lê Quang Thiêm, “Đặc trưng nghĩa của thuật ngữ”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3, 2013.
- [6] Nguyễn Đức Tồn, “Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn hóa thuật ngữ”, *Ngôn ngữ*, số 1, 2013.
- [7] Tony Harcup, *Dictionary of Journalism*, Oxford University Press, Oxford, 2014.